

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi có 05 trang)

KỶ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2017

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 308

Số báo danh:

Câu 41. Phát biểu nào sau đây đúng với giao thông đường bộ (đường ô tô) ở nước ta hiện nay?

- A. Chưa hội nhập vào đường xuyên Á. B. Mạng lưới đường được mở rộng.
C. Phương tiện hầu hết cũ kĩ, lạc hậu. D. Tập trung chủ yếu ở dọc ven biển.

Câu 42. Nguyên nhân chính dẫn đến ngập lụt ở Trung Bộ vào tháng IX - X là do

- A. mưa bão lớn và lũ nguồn về. B. địa hình thấp hơn mực nước biển.
C. không có đê sông ngăn lũ. D. mưa lớn và triều cường.

Câu 43. Một trong những đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta là

- A. khả năng thu hút vốn đầu tư còn nhiều hạn chế.
B. có tỉ trọng nhỏ trong tổng GDP của quốc gia.
C. phạm vi gồm nhiều tỉnh, ranh giới ổn định.
D. tạo ra tốc độ phát triển nhanh cho cả nước.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất nước ta?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông Hồng. C. Sông Cả. D. Sông Thái Bình.

Câu 45. Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất

- A. cận nhiệt đới gió mùa, B. ôn đới gió mùa.
C. nhiệt đới ẩm gió mùa, D. cận xích đạo gió mùa.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Tây Bắc Bộ.
C. Trung và Nam Bắc Bộ. D. Đông Bắc Bộ.

Câu 47. Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là

- A. tây nam - đông bắc. B. tây bắc - đông nam.
C. bắc - nam. D. tây - đông.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4 - 5, cho biết Khu kinh tế ven biển Dung Quất thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Phú Yên.

Câu 49. Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

- A. đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp. B. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.
C. tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp. D. giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

Câu 50. Tại Bắc Trung Bộ hiện nay, rừng giàu tập trung nhiều nhất ở các tỉnh

- A. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình. B. Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.
C. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế. D. Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

Câu 51. Nhà máy thủy điện nào sau đây **không** thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Thác Bà. B. A Vương. C. Tuyên Quang. D. Hòa Bình.

Câu 52. Dân tộc nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong dân số nước ta?

- A. Ê-đê. B. Tày. C. Mường. D. Kinh.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Trung Quốc cả trên đất liền và trên biển?

- A. Quảng Ninh. B. Cao Bằng. C. Hà Giang. D. Lạng Sơn.

Câu 54. Hoạt động nào sau đây **không** thuộc ngành công nghiệp năng lượng nước ta?
 A. Khai thác dầu khí. B. Sản xuất điện. C. Khai thác than. D. Khai thác bôxít.

Câu 55. Mùa đông ở khu vực Đông Bắc nước ta thường
 A. đến muộn và kết thúc sớm. B. đến sớm và kết thúc muộn.
 C. đến sớm và kết thúc sớm. D. đến muộn và kết thúc muộn.

Câu 56. Điểm giống nhau về điều kiện sinh thái nông nghiệp của Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là
 A. địa hình cao nguyên xếp tầng. B. có bán bình nguyên rộng lớn.
 C. có mùa mưa và mùa khô rõ rệt. D. khí hậu phân hóa rõ theo độ cao.

Câu 57. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có
 A. mưa phùn. B. gió lạnh. C. sương muối. D. tuyết rơi.

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Cửa Đạt được xây dựng trên sông nào sau đây?

A. Sông Gâm. B. Sông Chu. C. Sông Cả. D. Sông Lô.

Câu 59. Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất của Tây Nguyên để trồng các cây công nghiệp lâu năm là có
 A. nguồn nước sông, hồ dồi dào. B. đất badan màu mỡ, rộng lớn.
 C. địa hình tương đối bằng phẳng. D. mùa khô và mùa mưa rõ rệt.

Câu 60. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Số tháng có nhiệt độ trên 20°C ở TP. Hồ Chí Minh nhiều hơn Hà Nội.
- B. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội nhỏ hơn TP. Hồ Chí Minh.
- C. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
- D. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 61. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta?

- A. Phần lớn sản phẩm tiêu dùng tại chỗ. B. Gắn liền với công nghiệp chế biến.
- C. Đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất. D. Sử dụng ngày càng nhiều máy móc.

Câu 62. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm giảm tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp trong cơ cấu lao động của nước ta hiện nay?

- A. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.
- B. Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- C. Cơ sở hạ tầng ngày càng được hoàn thiện.
- D. Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh.

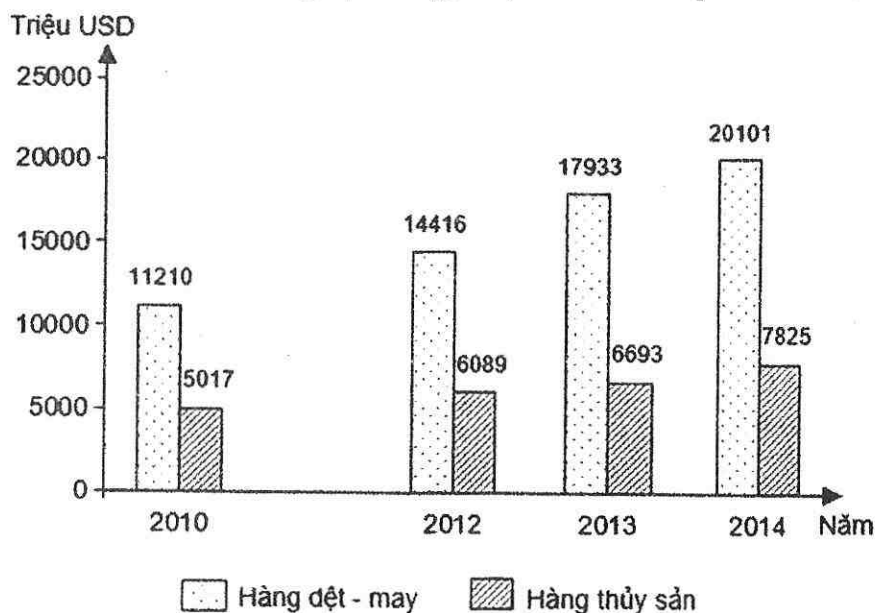
Câu 63. Phát biểu nào sau đây đúng với sự phát triển công nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay?

- A. Cơ sở năng lượng đã đáp ứng đủ nhu cầu.
- B. Chủ yếu phát triển các ngành công nghệ cao.
- C. Hình thành chuỗi các trung tâm ở ven biển.
- D. Tài nguyên nhiên liệu, năng lượng dồi dào.

Câu 64. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với trung tâm công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Hầu hết các trung tâm đều có nhiều ngành công nghiệp.
- B. Nhiều trung tâm ra đời trong quá trình công nghiệp hóa.
- C. Hải Phòng, Vũng Tàu, Cần Thơ là các trung tâm rất lớn.
- D. Trung tâm TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội có ý nghĩa quốc gia.

Câu 65. Cho biểu đồ về xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Khối lượng xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm.
- B. Tốc độ tăng xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm.
- C. Giá trị xuất khẩu hàng dệt - may, hàng thủy sản nước ta qua các năm.
- D. Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm.

Câu 66. Đặc điểm nào sau đây đúng với chế độ mưa của vùng ven biển Trung Bộ?

- A. Mưa tập trung nhất vào mùa hạ.
- B. Mưa nhiều vào thời kì thu đông.
- C. Mưa đều giữa các tháng trong năm.
- D. Mùa mưa dài nhất trong cả nước.

Câu 67. Yếu tố nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta có cơ cấu đa dạng?

- A. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.
- B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- C. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- D. Nhiều thành phần kinh tế cùng sản xuất và nguyên liệu phong phú.

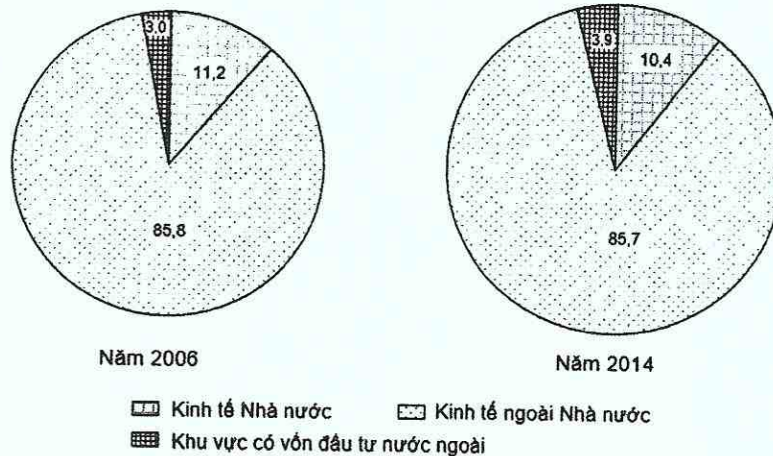
Câu 68. Cây chè được trồng nhiều ở Tây Nguyên, chủ yếu là do nơi đây có

- A. khí hậu mát mẻ ở các cao nguyên cao.
- B. tổng lượng mưa trong năm lớn.
- C. một mùa mưa và khô rõ rệt.
- D. khí hậu khá nóng ở các cao nguyên thấp.

Câu 69. Nhân tố nào sau đây có tính quyết định đến sự phân bố dân cư nước ta hiện nay?

- A. Trình độ phát triển kinh tế.
- B. Lịch sử khai thác lãnh thổ.
- C. Tài nguyên thiên nhiên.
- D. Quá trình xuất, nhập cư.

Câu 70. Cho biểu đồ:



CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2006 VÀ 2014 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng lao động đang làm việc của các thành phần kinh tế ở nước ta năm 2014 so với năm 2006?

- A. Kinh tế Nhà nước tăng, Kinh tế ngoài Nhà nước giảm.
- B. Kinh tế Nhà nước và Kinh tế ngoài Nhà nước đều giảm.
- C. Kinh tế Nhà nước giảm, Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.
- D. Kinh tế ngoài Nhà nước giảm, Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

Câu 71. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?

- A. Lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.
- B. Mưa lớn và nguồn nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.
- C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn.
- D. Thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.

Câu 72. Điều kiện nào sau đây là quan trọng nhất để phát triển du lịch biển ở nước ta?

- A. Vị trí gần đường hàng hải quốc tế.
- B. Nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp.
- C. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật được đầu tư.
- D. Vùng biển rộng, giàu tài nguyên.

Câu 73. Kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng lên khá nhanh trong những năm gần đây **không** phản ánh chủ yếu điều gì sau đây?

- A. Sản xuất phục hồi và phát triển.
- B. Nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn.
- C. Chất lượng nguồn lao động cao.
- D. Đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

Câu 74. Vấn đề có ý nghĩa cấp bách trong phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tăng cường nuôi trồng thủy sản ở tất cả các tỉnh.
- B. khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- C. đẩy mạnh đánh bắt các loài cá quý có giá trị cao.
- D. phát triển mạnh chế biến theo hướng hàng hóa.

Câu 75. Nguyên nhân nào sau đây làm cho Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước?

- A. Cơ sở vật chất kỹ thuật tốt.
- B. Trữ lượng thủy sản lớn.
- C. Diện tích mặt nước rộng lớn.
- D. Lao động có trình độ cao.

Câu 76. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Khai thác	Nuôi trồng
2005	1 987,9	1 478,9
2010	2 414,4	2 728,3
2012	2 705,4	3 115,3
2014	2 920,4	3 412,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của nước ta, giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Khai thác luôn lớn hơn nuôi trồng.
- B. Khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
- C. Nuôi trồng tăng nhiều hơn khai thác.
- D. Khai thác và nuôi trồng tăng đều nhau.

Câu 77. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ 2014

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2014
Tổng số	100,0	100,0
Lúa đông xuân	41,2	39,9
Lúa hè thu	32,5	35,0
Lúa mùa	26,3	25,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện cơ cấu diện tích lúa theo mùa vụ của nước ta, năm 2010 và 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Cột.
- D. Đường.

Câu 78. Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong phát triển lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ là

- A. khai thác hợp lý đi đôi với bảo vệ rừng.
- B. mở rộng diện tích rừng sản xuất.
- C. phát triển các khu dự trữ tự nhiên.
- D. mở rộng diện tích các vườn quốc gia.

Câu 79. Biện pháp chủ yếu nhất góp phần làm giảm thiểu rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ở nước ta là

- A. đầu tư thâm canh, luân canh, tăng vụ.
- B. phát triển nền nông nghiệp cổ truyền.
- C. đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp.
- D. tăng cường chuyên môn hóa sản xuất.

Câu 80. Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất về khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có

- A. nhiều bãi triều, đầm phá.
- B. vùng biển diện tích rộng.
- C. các ngư trường trọng điểm.
- D. nhiều vịnh biển, cửa sông.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

